

Bản án số 60/2021/HS-ST  
Ngày 24-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mai - thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Minh Quế, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn L** (tên gọi khác: G), sinh năm 1986 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; Nơi cư trú: 2ô2/14 tổ 4, khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: 2ô2/14 tổ 4, khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Đi biển; Trình độ văn H (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Trần Thị C, sinh năm 1960; Vợ con chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh 1980; (Vắng mặt); Nơi cư trú: tổ 20, ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Trần Thị C, sinh năm 1960; Địa chỉ: tổ 5, khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3- Ông Nguyễn Phương L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 3, ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 23/9/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc H điều khiển xe mô tô hiệu Vision, màu xanh biển số 72K1-704.26, phía sau chở theo thùng hải sản đi đến khu vực chốt kiểm dịch tại Đèo Nước Ngọt thuộc thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ để nhờ Nguyễn Văn L là dân quân trực tại chốt đưa thùng hải sản qua chốt phía bên Long Hải để giao cho người nhà bà H, L đồng ý rồi điều khiển xe Vision của chị H chở thùng hải sản đi giao. Khi đã giao xong, trên đường về đến khu vực Mũi Kỳ Vân đoạn thuộc khu phố Hải Sơn, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, trong lúc L dừng xe đi vệ sinh thì xe bị ngã làm các cọc tiền của bà H để trong cốp xe văng ra ngoài (mỗi cọc tiền có 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). L nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã lấy 03 cọc tiền, 02 cọc L bỏ vào trong 02 Ti quần trước còn 01 cọc L ném xuống phía dưới bụi rậm sát bờ biển giấu, các cọc tiền còn lại L bỏ lại vào trong cốp xe rồi điều khiển xe đi về lại chốt giao xe cho bà H. L mang tiền về nhà đếm 02 cọc tiền được 100.000.000 đồng, L đưa cho bà Trần Thị C là mẹ của L số tiền 30.000.000 đồng. Bà C dùng số tiền 25.000.000 đồng để mua cho L 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 05 chỉ một) và 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 02 chỉ một phân 5) có 01 mặt hình tượng phật, màu xanh có trọng lượng là 04 phân, số tiền 5.000.000 đồng còn lại bà C đã tiêu xài cá nhân hết. L gửi cho ông Nguyễn Văn T là anh của L số tiền 53.000.000 đồng (trong đó 49.000.000 đồng L gửi T cất giữ dùm, 4.000.000 đồng L cho T mua lưới đánh cá). Đến chiều cùng ngày, L tiếp tục đi đến khu vực Mũi Kỳ Vân để lấy cọc tiền còn lại trị giá 50.000.000 đồng để mua 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đen biển số 72H1-301.28 của anh Nguyễn Phương L với giá 43.000.000 đồng, số tiền còn lại L đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 27/9/2021, bà H kiểm tra tiền trong cốp xe phát hiện mất 03 cọc tiền với tổng giá trị là 150.000.000 đồng nên đã trình báo Công an. Khoảng 15 giờ ngày 27/9/2021, L ra Công an huyện Đất Đỏ đầu thú về hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp cho Công an 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đen biển số 72H1-301.28 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 021313 mang tên Nguyễn Phương L; 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 05 chỉ một) và 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 02 chỉ một phân 5) có 01 mặt hình tượng phật, màu xanh có trọng lượng là 04 phân; 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím và số tiền 1.500.000 đồng.

Bà C, ông T không biết số tiền L đưa cho mình là do trộm cắp mà có, bà C, ông T đã giao nộp lại số tiền là 67.000.000 đồng cho Công an (trong đó ông T 49.000.000 đồng, bà C 18.000.000 đồng). Ông L không biết việc L dùng tiền trộm cắp để mua xe Suzuki Satria, biển số 72H1-301.28 của mình. Nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà C, ông T và ông L.

\* Về trách nhiệm dân sự và xử lý tang vật của vụ án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã đồng ý nhận lại các tài sản mà L dùng tiền trộm cắp để mua được nên ngày 29/10/2021, Công an đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản cho bà H gồm: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu đen biển số 72H1-301.28 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 021313 mang tên Nguyễn Phương L; 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 05 chỉ một) và 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K, có trọng lượng là 02 chỉ một phân 5) có 01 mặt hình tượng phật, màu xanh có trọng lượng là 04 phân và số tiền 67.000.000 đồng. Ngày 29/10/2021 L đã bồi thường thêm cho chị H số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bà H đã nhận đủ và không yêu cầu L bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự.

Điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím và số tiền 1.500.000 đồng là tài sản hợp pháp của L, L không sử dụng vào hành vi phạm tội nên Công an đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại và tiền cho L.

Tại cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm đến 3 năm 6 tháng tù

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh hạn chế đi lại nên bà H nhờ bị cáo là người đang trực chốt kiểm soát, điều khiển xe của bà H chở thùng hàng đi giao hộ cho người nhận bên kia chốt. Lợi dụng sự bất cẩn của bà H khi giao xe cho bị cáo mà trong cốp xe có để tiền, bị cáo mở cốp xe thấy tiền liền nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã lấy 03 cọc tiền trị giá 150.000.000đ của bà H để trong cốp xe, dùng tiền mua tài sản và tiêu xài cá nhân.

Hội đồng xét xử qua tiến hành tranh tụng công khai tại phiên tòa, xét lời khai của bị cáo, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với nhau, phù hợp với chứng cứ thu thập được như: Biên bản xác định lại hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu. Bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ của bị hại đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, số tiền chiếm đoạt trên 50.000.000đ thuộc trường hợp định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đủ cơ sở khẳng định bản cáo trạng số 64/2021/CT-VKS ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị phát hiện tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Giác) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác: G) 03 (Ba) năm tù thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để chấp hành án.

2/- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3/- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4/- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/- Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/11/2021) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT.
- Sở TP. BRVT
- VKSND H. Đất Đỏ
- Công an huyện Đất Đỏ.
- CCTHADS H.Đất Đỏ.
- Bị cáo.
- Bị hại
- Người có QLVNQLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN VĂN TIẾN**

